

ISSN 0868-3808

TRUNG TÂM KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Kinh tế

Châu Á - Thái Bình Dương

Khoảng cách số theo giới và kinh nghiệm thu hẹp
Phát triển tiền kỹ thuật số ở Trung Quốc và bài học
Phát triển bền vững thị trường trái phiếu xanh
Phát triển thanh toán điện tử tại Việt Nam hiện nay
Tác động của trí tuệ nhân tạo đến kế toán truyền thống

ASIA - PACIFIC ECONOMIC REVIEW

Số Chuyên đề - Tháng 5 năm 2024



Fintech cải thiện hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại

www.ktcatbd.com.vn



8 938500 883019

TRỤ SỞ CHÍNH

176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH

Số 18 ngõ 49 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 0888381299

Email: ktcatbd@gmail.com

TỔNG BIÊN TẬP

Lê Văn Sang

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Lê Kim Sa (Việt Hà)

Nguyễn Hồng Phối

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

Trần Văn Thọ

Võ Đại Lực

Đặng Nguyễn Anh

Trần Đình Thiên

Lê Bộ Lĩnh

Nguyễn Đức Thành

Trần Đức Hiệp

Bùi Quang Tuấn

Phí Mạnh Tường

Hồ Đức Hiệp

Trần Thị Nam Thắng

Chu Văn Thắng

Tô Hiến Thà

THƯ KÝ TÒA SOẠN

Lê Thu Hà: 0913034666

Email: lethuha2707@gmail.com

BAN TRỊ SỰ

Hà Huế: 0962002215

Email: lehonghue0511@gmail.com

BAN THƯ KÝ - BIÊN TẬP

Hoàng Dung: 0938016618

Email: hoangdung.brand@gmail.com

Vân Anh: 0903833489

Email: ktcatbd.nc@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN: 1545/BC-GPXB;

175/GP-BVHTT; 274/GP-BTTTT

In tại Công ty in My link

Giá: 50.000 VND

04. Fintech cải thiện hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại
Trần Thùy Linh
07. Khoảng cách số theo giới và kinh nghiệm quốc tế trong việc thu hẹp khoảng cách này hướng tới bình đẳng giới
Bùi Hồng Trang
10. Phát triển tiền kỹ thuật số của Trung Quốc và tham khảo cho Việt Nam
Đặng Thị Ngọc Lan
13. Phát triển bền vững thị trường trái phiếu xanh tại Việt Nam
Nguyễn Thủy Duyên
16. Giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn của các ngân hàng thương mại
Phạm Thị Hoài Thanh
19. Giải pháp phát triển thanh toán điện tử tại Việt Nam giai đoạn hiện nay
Trần Việt Dũng
22. Phát triển bền vững thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam: thực trạng và giải pháp
Đàm Hồng Phương
25. Thực trạng và giải pháp về giảm nhẹ phát thải nhà kính trong giao thông vận tải
Nguyễn Cao Ý
28. Tác động của trí tuệ nhân tạo đến kế toán truyền thống hiện nay
Nguyễn Hữu Luân
31. Đạo đức trong nghiên cứu: một số nghiên cứu trên thế giới và bài học kinh nghiệm
Nguyễn Thị Hồng Phúc, Phan Thị Xuân Huệ
34. Nghiên cứu vận hành công trình thủy lợi trong điều kiện xâm nhập mặn tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
Lê Trung Thành
37. Chánh niệm tác động đến hiệu quả công việc: vai trò trung gian kiệt sức trong công việc
Luu Minh Vũng
40. Thực trạng và giải pháp nâng cao ý thức đội ngũ cán bộ y tế trong các bệnh viện công tại TP. Hồ Chí Minh hiện nay
Nguyễn Quốc Việt, Trần Văn Nam
43. Việc làm thêm tác động tới việc hình thành kỹ năng mềm của sinh viên khối kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp
Nguyễn Việt Bình
46. Giải pháp hoàn thiện hệ sinh thái nghiên cứu khoa học của người học tại Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2030
Nguyễn Xuân Minh, Trần Thị Ngọc Anh, Đặng Lê Phương Xuân, Nguyễn Bùi Thanh Đức
49. Đa dạng thành phần giống, loại phiếu sinh thực vật có giá trị kinh tế tài bờ biển Hồ Thùng – Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
Phạm Thị Bình Nguyên, Nguyễn Văn Thơ
52. Một số giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát tại các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh
Nguyễn Thị Dung
55. Ảnh hưởng của vốn xã hội tới việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp các trường đại học khối kinh tế ở Nghệ An
Nguyễn Thị Ngọc Liên, Lê Thị Dung
58. Vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực vào học phần Đầu tư tài chính
Đào Thanh Nhân
61. Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch miền Tây Nghệ An giai đoạn 2019-2025
Lê Đăng Giáp
64. Nghiên cứu lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: Các tình huống điển hình trong doanh nghiệp
Mai Ngọc Trang, Cao Thị Thùy Linh, Vũ Thị Thanh Hiền, Đỗ Thanh Giang
67. Công nghiệp bán dẫn và cơ hội cho Việt Nam hoàn thành mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao
Ngô Quế Lân
70. Tuân thủ thuế của doanh nghiệp nhỏ và vừa: nghiên cứu tại Chi cục thuế khu vực Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế
Trần Thị Giang, Nguyễn Đình Chiến
73. Nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định sử dụng dịch vụ khám, chữa mắt trên địa bàn Hà Nội: Tiếp cận từ khung lý thuyết SOR
Nguyễn Hoài Nam, Lê Thị Khánh Hương, Nguyễn Tú Linh, Trương Thị Khánh Linh, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Lệ Mỹ

76. Nhu cầu tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân tại xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
Nguyễn Hồng Cúc, Nguyễn Thị Hồng Trâm
79. Vận dụng thẻ điểm cân bằng tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
Nguyễn Thị Dung
82. Thực trạng và giải pháp nâng cao kỹ năng quản lý thời gian cho sinh viên Trường Đại học Giao thông Vận tải
Nguyễn Thị Hải Hà
85. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm soát nội bộ trong hoàn thuế giá trị gia tăng
Nguyễn Thị Hải Linh, Trần Dương Minh Chuyên
87. Chi phí xây dựng website của doanh nghiệp được ghi nhận vào đối tượng kế toán nào?
Nguyễn Thị Minh Đức
90. Thu hút khách du lịch quốc tế đến Hội An giai đoạn phục hồi hậu Covid-19
Nguyễn Thị Phương Anh
93. Ngân hàng trung ương Nhật Bản ứng phó với biến đổi khí hậu
Nguyễn Thị Thái Hưng
96. Một số giải pháp chuyển đổi số lĩnh vực kế toán trong bối cảnh công nghiệp 4.0
Nguyễn Tiến Mạnh, Trần Thu Phương
99. Một số nhân tố tác động đến đầu tư của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020
Nguyễn Văn Tuấn
102. Thực trạng nguồn nhân lực trình độ cao trong quá trình chuyển đổi số hiện nay tại tỉnh Bình Dương
Phạm Bình An
105. Trình bày thông tin kế toán vàng, tiền tệ: góc nhìn từ chuẩn mực kế toán
Phạm Thanh Trung
107. Quyết định lựa chọn dịch vụ lưu trú tại các khách sạn trên địa bàn quận Tây Hồ thành phố Hà Nội
Nguyễn Thị Thanh Hoa
110. Tác động của nội dung do người dùng đến ý định mua mỹ phẩm trên Facebook
Lê Thị Kim Tuyết, Trần Thị Khánh Hiền, Dương Thị Mỹ Hoàng, Đoàn Thị Yến Nhi
113. Lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc không ngừng hiện đại hóa, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp
Phạm Bích Hằng
116. Đặc điểm kinh tế ngành và một số vấn đề đặt ra đối với phát triển kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng
Đậu Hương Nam
119. Trí tuệ nhân tạo và tác động trong quản trị nguồn nhân lực
Hoàng Thúy Phương
122. Trí tuệ nhân tạo (AI) gắn liền với hoạt động marketing
Ngô Thanh Loan
125. Phân tích các yếu tố chất lượng dịch vụ ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân số tại chung cư Ehome 3
Lê Mai Hải, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Cao Văn Truyền, Trịnh Văn Phú
129. Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động trong khu vực công tại thành phố Hồ Chí Minh
Nguyễn Thị Hồng Nguyệt
132. Fintech trong việc chuyển đổi các dịch vụ tài chính truyền thống tại Việt Nam
Võ Thị Phương
134. Một số quy định mới về giải quyết tranh chấp tiêu dùng theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023
Trần Văn Kiên
137. Những yếu tố ảnh hưởng hành vi gọi món ngẫu hứng trong nhà hàng sang trọng tại Hà Nội
Trần Thị Tuyết
139. Nghiên cứu tác động của các yếu tố của trò chơi hóa trong ví điện tử tới hành vi tiêu dùng của GenZ trên địa bàn Hà Nội
Nguyễn Hoài Nam, Nguyễn Thanh Hương, Đoàn Thị Diệu Linh, Nguyễn Thị Dung Linh, Hoàng Mai Trang, Trần Thị Sương
142. Nghiên cứu hành vi mua sắm trực tuyến của giới trẻ tại Đồng Nai
Võ Anh Kiệt, Lê Thanh Hải, Mai Văn Chiến
144. Chuyển đổi kép: giải pháp giúp doanh nghiệp Việt Nam bắt nhịp kinh doanh toàn cầu
Nguyễn Thị Hải Yến
147. Dự báo giá cổ phiếu ngân hàng BIDV bằng mô hình Arima
Hoàng Thị Thu Hà
149. Vietnamese individual investors' selection of securities: what can influent it?
Le Phuong Lan

Tuân thủ thuế của doanh nghiệp nhỏ và vừa: nghiên cứu tại Chi cục thuế khu vực Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Trần Thị Giang
Nguyễn Đình Chiến
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Nghiên cứu nhằm phân tích, đánh giá thực trạng về sự tuân thủ thuế, kiểm định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự tuân thủ thuế của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại Chi cục thuế khu vực Hương Điền thông qua các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định giá trị trung bình (One Sample T – Test) với nguồn số được thu thập từ 237 DNVVN tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả cho thấy mức độ tuân thủ đăng ký thuế đã có chuyển biến tích cực; các doanh nghiệp đã thực hiện nghiêm túc cơ chế tự kê khai thuế và tỷ lệ doanh nghiệp nộp tờ khai đúng hạn trong giai đoạn 2020-2022 đều đạt trên 98%; số thuế thực thu tăng; công tác kiểm tra ngày càng được chú trọng, có hiệu lực và hiệu quả; đồng thời nghiên cứu cũng đã xác định các yếu tố như chi phí tuân thủ, sự phức tạp của chính sách và tính công bằng của hệ thống thuế có mức ảnh hưởng lớn đến sự tuân thủ thuế của DNNVV tại địa bàn nghiên cứu.

1. Mở đầu

Thời gian qua, DNNVV trên địa bàn Chi cục Thuế khu vực Hương Điền đã có những bước phát triển nhanh chóng cả về số lượng lẫn chất lượng. Đây là thành phần kinh tế năng động, sáng tạo, giúp giải quyết tình trạng thất nghiệp và đóng góp nguồn thu cho NSNN ở địa phương, đồng thời quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ thu của Chi cục Thuế. Tuy nhiên, trong thực tế, ý thức tuân thủ thuế của DNNVV trên địa bàn vẫn còn tồn tại, hạn chế gây ảnh hưởng đến số thu thuế như: tình trạng người nộp thuế lợi dụng các chính sách thông thoáng của Luật thuế để chiếm dụng tiền thuế, cố tình không kê khai hoặc kê khai không trung thực, không đóng thuế hoặc nợ đọng trong thời gian dài để trốn thuế, gây thất thu ngân sách nhà nước. Do đó, nghiên cứu này nhằm làm rõ thực trạng về sự tuân thủ thuế của các DNNVV tại khu vực Hương Điền, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự tuân thủ thuế của các DNNVV. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao sự tuân thủ thuế của DNNVV tại Chi cục Thuế Khu vực Hương Điền trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp từ các báo cáo về tình hình quản lý, thu nộp thuế của Chi cục thuế khu vực Hương Điền giai đoạn 2020-2022 và báo cáo kinh tế - xã hội của ba huyện, thị xã trên địa bàn. Đồng thời điều tra khảo sát 237 DNNVV tại khu vực Hương Điền trên cơ sở bảng phỏng vấn được thiết kế sẵn theo thang đo Likert 5 mức độ để lượng hóa sự lựa chọn của các DNNVV đối với mỗi một tiêu chí, trong đó được sắp xếp dần từ 1 đến 5

điểm tương ứng với hoàn toàn không đồng ý cho đến hoàn toàn đồng ý với nhận định được nêu ra. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng để tiến hành điều tra theo cỡ mẫu xác định. Với quần thể mẫu điều tra đã được biết trước, cỡ mẫu điều tra trong nghiên cứu này được xác định bằng công thức của Slovin (1960).

3. Kết quả nghiên cứu về tuân thủ thuế của DNNVV tại Chi cục thuế khu vực Hương Điền

3.1. Công tác đăng ký thuế

Bảng 1. Ý kiến đánh giá của DNNVV

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	Sig.
Thủ tục đăng ký thuế được niêm yết công khai, rõ ràng, dễ thực hiện	3.75	3.5	0.000
DN thực hiện thủ tục, hồ sơ đăng ký thuế luôn đúng theo luật định	4.16	3.5	0.003
DN luôn hoàn thành các thủ tục đăng ký thuế đúng hạn	4.04	3.5	0.004
DN được cán bộ thuế hướng dẫn rõ ràng về các thủ tục, nghĩa vụ thuế có liên quan	3.82	3.5	0.000

Bảng 1 cho thấy, giá trị trung bình các tiêu chí đưa vào kiểm định dao động từ 3.75 đến 4.16, tất cả đều lớn hơn 3.5 với sig < 0.05. Kết quả cho thấy sự tuân thủ về đăng ký thuế của DNNVV theo quy định của pháp luật đã có những chuyển biến theo chiều hướng tích cực. DN đã có ý thức chấp hành pháp luật thuế tốt hơn, cũng đồng nghĩa với sự tuân thủ thuế của DN ngày càng nâng cao. Qua đó, ta cũng thấy được sự phối hợp chặt chẽ giữ cơ quan thuế (CQT) và Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho DN thực hiện nghĩa vụ thuế và gia tăng sự tuân thủ của mình.

3.2. Công tác kê khai thuế

Bảng 2. Ý kiến đánh giá của DNNVV

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	Sig.
DN cảm thấy thuận tiện, dễ dàng trong kê khai thuế	3.55	3.5	0.447
Việc quy định thời gian nộp hồ sơ khai thuế/tờ khai thuế hiện nay là phù hợp	3.23	3.5	0.000
CQT luôn hỗ trợ để DN tự kê khai thuế đúng và đầy đủ	3.61	3.5	0.089
Việc kê khai thuế qua mạng thuận tiện	3.32	3.5	0.009
DN luôn tự kê khai thuế đầy đủ và đúng hạn theo đúng quy định	4.13	3.5	0.002

Bảng 2 cho thấy, với mức ý nghĩa Sig <0.05 cho thấy các yếu tố: “Việc quy định thời gian nộp hồ sơ khai thuế/tờ khai thuế hiện nay là phù hợp”; “Việc kê khai thuế qua mạng thuận tiện”; “DN luôn tự kê khai thuế đầy đủ và đúng hạn theo đúng quy định” đều được các DNNVV đánh giá ở mức điểm khác 3.5. Như vậy, DN hiện nay đã chủ động và tuân thủ hơn trong việc kê khai thuế, tuy nhiên còn một bộ phận không nhỏ DN không đồng ý về quy định thời gian nộp HSKT, thường xảy ra lỗi kết nối với trang web ngành thuế khi gửi tờ khai online.

Yếu tố “DN cảm thấy tương đối thuận tiện, dễ dàng trong kê khai thuế”; “CQT luôn hỗ trợ để DN tự kê khai thuế đúng và đầy đủ” có giá trị trung bình được xem như bằng giá trị kiểm định 3.5 (với hệ số sig. >5%), nghĩa là các DN thực hiện kê khai thuế theo hướng đơn giản hóa thủ tục, nhanh chóng và đảm bảo đúng với quy định hơn so với trước đây. Đồng thời, CQT đã thực hiện tốt việc hỗ trợ, tư vấn, giải đáp các thắc mắc liên quan trong quá trình DN tự kê khai thuế, điều đó đã giúp DN ngày càng nâng cao tính tuân thủ trong việc kê khai thuế.

3.3. Công tác nộp thuế

Kết quả nghiên cứu cho thấy, CQT thường xuyên thực hiện việc phát thông báo nộp thuế và nộp thuế điện tử đã giúp DN thực hiện nộp thuế đầy đủ, chính xác và đúng hạn. Điều này thể hiện qua giá trị trung bình của các yếu tố lần lượt là 3.63, 3.68 và 3.74. Các giá trị trung bình này đều lớn hơn giá trị kiểm định 3.5 với độ tin cậy 99% cho thấy, CQT đã luôn tạo điều kiện để DN thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình theo quy định, giúp DN thuận lợi về mặt thời gian và công sức. Tuy nhiên, một bộ phận DN không đồng ý với mức doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế suất hiện nay, các DN cho rằng việc áp dụng tỷ lệ thuế chưa thực sự đảm bảo được sự công bằng giữa các doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh.

3.4. Tình hình nợ thuế

Bảng 3. Ý kiến đánh giá của DNNVV

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	Sig.
Thông tin về nợ thuế của DN được thông báo rõ ràng	3.65	3.5	0.028
Công tác quản lý nợ thuế của CQT đối với DN chặt chẽ, hợp lý	3.38	3.5	0.046
Các biện pháp quản lý nợ thuế hữu hiệu	3.35	3.5	0.014
CQT luôn tạo điều kiện để DN gia hạn thuế phải nộp thuế nếu tình hình tài chính yếu	3.72	3.5	0.001
Các biện pháp cưỡng chế nợ thuế của CQT là hợp lý, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật	3.28	3.5	0.001

Kết quả Bảng 3 cho thấy, giá trị trung bình các yếu tố đưa vào kiểm định dao động từ 3.28 đến 3.72 với sig <0.05. Nghĩa là đánh giá của các DNNVV về tình hình nợ thuế khác 3.5 và lớn hơn 3 ở mức trung lập, điều này cho thấy Chi cục thuế Khu vực Hương Điền đang quản lý tình hình nợ thuế tương đối đảm bảo. Mặc dù vậy, công tác quản lý tình hình nợ thuế của CQT vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: công tác quản lý nợ thuế chưa chặt chẽ, hợp lý, các biện pháp cưỡng chế nợ thuế hiện nay còn nhiều bất cập, chưa hiệu quả.

3.5 Công tác kiểm tra thuế

Bảng 4. Ý kiến đánh giá của DNNVV

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình	Giá trị kiểm định	Sig.
Thời gian và cơ cấu đoàn kiểm tra thuế là phù hợp, đúng với quyết định công bố	3.32	3.5	0.012
Thái độ của cán bộ kiểm tra đúng mực	3.34	3.5	0.013
Công tác kiểm tra được thực hiện đúng quy trình, quy định, hiệu quả	3.71	3.5	0.001
Nội dung kiểm tra không chồng chéo, trùng lặp	3.62	3.5	0.044
Công tác xử phạt vi phạm của Chi cục thuế đúng theo quy định	3.24	3.5	0.000
Công tác kiểm tra thuế góp phần nâng cao sự tuân thủ thuế của DN	3.68	3.5	0.021

Với điểm trung bình từ 3.24 đến 3.71 và mức ý nghĩa Sig.<0.05 nghĩa là điểm trung bình đánh giá của các DNNVV đối với các yếu tố có sự khác biệt so với 3.5 (Bảng 4). Như vậy, DN đánh giá tương đối tốt về công tác kiểm tra được thực hiện đúng trình, quy định và hiệu quả của CQT. Tuy nhiên, DN chưa hài lòng với thời gian kiểm tra của CQT, cơ cấu đoàn kiểm tra đôi lúc chưa đúng và đủ thành phần, mức xử phạt như luật hiện hành là cao.

3.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế

Kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố “Chất lượng dịch vụ, hỗ trợ thuế của cơ quan thuế”, “Kiến thức về thuế của DN” và Ngành nghề kinh doanh được các DNNVV có hệ số sig < 0.05, tuy ba yếu tố trên đều nhỏ hơn 4 nhưng vẫn trên mức trung lập và đều lớn hơn 3.5 cho thấy DN vẫn đánh giá đây là các yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến sự tuân thủ thuế. Đối với yếu tố “Yếu tố tâm lý” được các DN đánh giá ở mức điểm giá trị trung bình 3.23 với hệ số sig. <0.05, phần lớn các DN cho rằng yếu tố này chỉ ảnh hưởng ít đến hành vi tuân thủ thuế của họ.

Đối với yếu tố “Chi phí tuân thủ thuế”, Sự phức tạp của chính sách thuế” và “Tính công bằng của hệ thống thuế” có giá trị kiểm định sig. >0.05, nghĩa là không có sự khác biệt giữa giá trị trung bình và giá trị kiểm định 4.0. Điều này cho thấy các yếu tố này có ảnh hưởng rất lớn đến sự tuân thủ của DN.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy, về tuân thủ nghĩa vụ đăng ký thuế: mức độ tuân thủ đăng ký thuế đã có chuyển biến tích cực trong giai đoạn 2020-2022.

Phần lớn các DN được khảo sát đều lựa chọn đồng ý tuân thủ về công tác đăng ký thuế. Điều này cho thấy rằng Chi cục Thuế đã phối hợp và quản lý tốt, kịp thời các doanh nghiệp thành lập mới đóng trên địa bàn, đồng thời liên tục cập nhật thông tin khi doanh nghiệp có sự thay đổi; Về tuân thủ kê khai thuế: các DN đã thực hiện nghiêm túc cơ chế tự kê khai thuế và ngày càng phát huy hiệu quả, DN đã quen với các quy trình cũng như các bước thực hiện kê khai, từ đó giúp cho chất lượng kê khai cũng ngày một được nâng cao và chính xác hơn, tỷ lệ DN nộp tờ khai đúng hạn trong 3 năm đều đạt trên 98%; Về tuân thủ nộp thuế của DN và quản lý nợ thuế: đã được cải thiện theo chiều hướng tích cực thể hiện qua số thuế thực thu của toàn ngành tăng; Công tác kiểm tra ngày càng được chú trọng, có hiệu lực và hiệu quả.

Các yếu tố ảnh hưởng: Nghiên cứu đã chỉ ra 03 yếu tố gồm chi phí tuân thủ, sự phức tạp của chính sách và tính công bằng của hệ thống thuế có mức ảnh hưởng lớn đến sự tuân thủ thuế; yếu tố tâm lý ảnh hưởng ít nhất đến sự tuân thủ của DN.

Từ kết quả nghiên cứu đã đề ra một số phải pháp phù hợp góp phần nâng cao tính tuân thủ thuế của DNNVV tại khu vực Hương Điền như sau:

Thứ nhất, quản lý tốt việc đăng ký, kê khai và nộp thuế của DNNVV. Tổ chức tuyên truyền chính sách, hỗ trợ về thuế cho DN sau khi được DN được cấp mã số thuế. Phối hợp, rà soát và chuẩn hóa thông tin của DN nhằm đảm bảo sự đồng bộ.

Thứ hai, tăng cường quản lý nợ thuế. Thường xuyên tổ chức đánh giá, tổng kết định kỳ công tác chống thất thu, nợ đọng thuế. Thành lập đoàn liên ngành giữa cơ quan thuế, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan khác để truy thu thuế các DN nợ đọng trên địa bàn;

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra thuế. Đẩy mạnh việc kiểm tra tại trụ sở của CQT để giảm thiểu thời gian, chi phí và nhân lực theo cơ chế quản lý rủi ro và ứng dụng CNTT; Nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thuế làm công tác kiểm tra nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm trong lĩnh vực thuế;

Thứ tư, giảm chi phí tuân thủ. Hoàn thiện phương thức kê khai thuế và nộp thuế điện tử, giảm thời gian giải quyết các thủ tục, giấy tờ cần thiết theo quy định bằng ứng dụng CNTT.

Thứ năm, nâng cao chất lượng dịch vụ thuế. Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ thuế nhằm hạn chế những sai phạm khi hướng dẫn các chính sách, hỗ trợ khai thuế, tính thuế hay nộp thuế. Đầu tư trang thiết bị tin học và nâng cấp hạ tầng truyền thông để đảm bảo an toàn thông tin trong môi

trường ứng dụng thuế điện tử và có khả năng hoạt động liên tục 24/7.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính thuế. Tự động hóa quy trình tiếp nhận giải quyết hồ sơ, TTHC thuế của DN thông qua các chương trình hiện đại hóa và thuế điện tử./.

Tài liệu tham khảo

Vụ Chính sách Thuế, Bộ Tài chính (2019), Cải cách chính sách thuế góp phần thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, Diễn đàn Tài chính Việt Nam tháng 9/2019.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), Luật số: 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 Luật Quản lý Thuế, Hà Nội.

Báo cáo của Chi Cục Thuế khu vực Hương Điền, 2020, 2021, 2022.

Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS

Đặng Thị Bạch Vân (2014), Xoay quanh vấn đề người nộp thuế và tuân thủ thuế. Tạp chí Phát triển và Hội nhập.

Au Thi Nguyet Lien, Hoang Trong Hung, Nguyen Dang Hao, Tran Duc Tri (2021), Tax Compliance Of Small And Medium Enterprises: A Case Study in Thua Thien Hue. Hue University Journal of Science: Economics and Development.